

Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ

X, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH Y

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

2. Chị Đào Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 92 Bình Minh, xã Hà Mòn, huyện X, tỉnh Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh V và chị Đào Thị T đều thừa nhận có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/3/2015 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được xác định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống các bên phát sinh mâu thuẫn và đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Xét thấy việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận yêu cầu.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh V và chị Đào Thị T đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Đào Anh Tuấn, sinh ngày 29/10/2015. Anh V và chị T tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Thanh V và chị Đào Thị T phải chịu tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), mỗi người 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Chị Đào Thị T thỏa thuận chịu toàn bộ. Đây là đương sự tự nguyện chịu, xét thấy là phù hợp cần được chấp nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh V và chị Đào Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đào Anh Tuấn, sinh ngày 29/10/2015 cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Thanh V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu. Chị Đào Thị T thỏa thuận chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0004263 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y. Chị Đào Thị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND Huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Môn;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn